



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (LẦN 1)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED CALIBRATIONS (FIRST EXPANSION)

**(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 06 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)**

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng đo lường**

Laboratory: **Metrology Laboratory**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh**

Organization: **Ho Chi Minh City Technical Center of Standards Metrology and Quality**

Số hiệu/ Code: **VILAS 079**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Đo lường - Hiệu chuẩn**

Field: **Measurement - Calibration**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Trương Trung Tín**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /06/2025 đến ngày 12/04/2026**

Địa chỉ/ Address: **263 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
236 Dien Bien Phu street, Vo Thi Sau ward, 3 district, Ho Chi Minh city**

Địa điểm/Location: **263 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
236 Dien Bien Phu street, Vo Thi Sau ward, 3 district, Ho Chi Minh city**

Điện thoại/ Tel: **028 39 307 365**

Email: **tttin.skhn@tphcm.gov.vn**

Website: **www.smeq.com.vn**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (LẦN 1)*LIST OF EXTENDED ACCREDITED CALIBRATIONS (THE FIRST EXPANSION)***VILAS 079**Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Khối lượng***Field of calibration: Mass*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1	Cân so sánh (x) <i>Comparator scale</i>	Đến/ To 52 g	HC - ĐL 11:2025	0,05 mg
		(52 ~ 100) g		0,06 mg
		(100 ~ 500) g		0,5 mg
		(500 ~ 1 000) g		0,6 mg
		(1 000 ~ 2 500) g		8 mg
		(2 500 ~ 5 000) g		10 mg
		(5 000 ~ 10 000) g		14 mg
		(10 000 ~ 70 000) g		0,14 g
2	Cân không tự động (Cân điện tử) (x) <i>Non-automatic weighing instruments (Electronic scales)</i>	Đến/ To 1 kg	HC - ĐL 06:2025	0,084 g
		(1 ~ 2) kg		0,17 g
		(2 ~ 5) kg		0,5 g
		(5 ~ 10) kg		1 g
		(10 ~ 20) kg		2 g
		(20 ~ 60) kg		5,2 g
		(60 ~ 100) kg		10 g
		(100 ~ 200) kg		20 g
		(200 ~ 1 000) kg		0,1 kg
		(1 000 ~ 2 000) kg		0,18 kg
		(2 000 ~ 10 000) kg		0,82 kg
		(10 000 ~ 30 000) kg		9,2 kg

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG (LẦN 1)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED CALIBRATIONS (THE FIRST EXPANSION)

VILAS 079

Chú thích/ Notes:

- HC-ĐL-...: Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory's developed procedures*
- (x): Phép hiệu chuẩn có thực hiện ở hiện trường/ *On-site calibrations*
- ⁽¹⁾ Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*

Trường hợp Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp dịch vụ dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Ho Chi Minh City Technical Center of Standards Metrology and Quality that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

